

Số: 48/2024/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quy định thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 24**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ; số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 258/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa; Báo cáo thẩm tra số 903/BC-KTNS ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa.



Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật, tổ chức triển khai thực hiện; định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 111/2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa và Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 111/2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 24 thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr: HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.



Lại Thế Nguyên

QUY ĐỊNH

Thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Nghị quyết số 48/2024/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công; mua sắm tài sản công là vật tiêu hao; thuê tài sản; khai thác tài sản công; thu hồi; điều chuyển; bán tài sản công; thanh lý tài sản công; tiêu hủy tài sản công; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc trong trường hợp không thực hiện thanh lý tài sản gắn liền với đất; thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan nhà nước.
- Đơn vị sự nghiệp công lập.
- Tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội.
- Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 3. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

1. Thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản công (bao gồm tài sản công là vật tiêu hao) trong trường hợp phải lập thành dự án được thực hiện theo quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản công đối với:
 - Tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (gồm đất, nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất);
 - Tài sản là xe ô tô, phương tiện vận tải khác;
 - Tài sản là máy móc, thiết bị/trang thiết bị và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý.
- Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và tương đương; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh (gọi chung là các cơ quan, tổ chức,

đơn vị cấp tỉnh) quyết định mua sắm máy móc, trang thiết bị và các tài sản khác có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc (trừ điểm a khoản 2 Điều này).

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm máy móc, trang thiết bị và các tài sản khác có giá trị từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc; đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý (trừ điểm a khoản 2 Điều này).

d) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản có giá trị dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ điểm a khoản 2 Điều này).

đ) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Thủ trưởng đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm tài sản có giá trị dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ điểm a khoản 2 Điều này).

e) Trường hợp các tài sản thuộc thẩm quyền quyết định mua sắm theo quy định tại các điểm b, c, d, đ khoản này có tổng dự toán mua sắm từ nguồn ngân sách nhà nước của 01 lần mua sắm hoặc 01 dự toán mua sắm có giá trị thuộc các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này thì thẩm quyền quyết định mua sắm thực hiện như quy định tại khoản 3 Điều này.

g) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập:

- Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3) và đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4): Quyết định mua sắm tài sản (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vốn vay, vốn viện trợ, tài trợ, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật để phục vụ hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị phù hợp với quy định về tự chủ tài chính của đơn vị sau khi có ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp về sự phù hợp tiêu chuẩn, định mức và nguồn vốn mua sắm.

- Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ khoản 2 Điều này.

h) Đối với những cơ quan, đơn vị có nguồn từ hoạt động thu phí được để lại và các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có):

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định mua sắm tài sản (trừ các tài sản theo quy định tại điểm a khoản này) từ nguồn hoạt động thu phí được để lại để chi theo quy định của Luật phí và lệ phí và các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có), sau khi có ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp về sự phù hợp tiêu chuẩn, định mức và nguồn vốn mua sắm.

3. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, tài sản công là vật tiêu hao không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm đối với: các tài sản có tổng dự toán mua sắm từ nguồn ngân sách nhà nước từ 02 tỷ đồng trở lên/dự toán mua sắm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

b) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định mua sắm: các tài sản có tổng dự toán mua sắm từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn thu phí, lệ phí, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật nếu có (trong phạm vi dự toán được giao) dưới 02 tỷ đồng/dự toán mua sắm của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và từ 200 triệu đồng đến dưới 02 tỷ đồng/dự toán mua sắm của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm đối với tài sản có tổng dự toán mua sắm từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn thu phí, lệ phí, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có) từ 200 triệu đồng trở lên/dự toán mua sắm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc; đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý.

d) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản có tổng dự toán mua sắm từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn thu phí, lệ phí, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có) dưới 200 triệu đồng/dự toán mua sắm.

đ) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Thủ trưởng đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm tài sản có tổng dự toán mua sắm từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn thu phí, lệ phí, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có) dưới 200 triệu đồng/dự toán mua sắm.

e) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập:

- Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3) và đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4) quyết định mua sắm từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp, hoạt động dịch vụ để phục vụ hoạt động sự nghiệp, hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị; nguồn thu phí được để lại theo quy định của Luật phí và lệ phí và các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

- Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm tài sản trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ khoản 3 Điều này.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Thẩm quyền quyết định thuê xe ô tô, phương tiện vận tải khác; trụ sở làm việc và cơ sở hoạt động sự nghiệp

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc và cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô, phương tiện vận tải khác đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương (bao gồm các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc).

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê trụ sở làm việc và cơ sở hoạt động sự nghiệp đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện; đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý.

2. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản khác

a) Trường hợp thuê tài sản được chi trả bằng nguồn kinh phí trong định mức chi thường xuyên của cơ quan, tổ chức, đơn vị thì do thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định phù hợp với tiêu chuẩn, định mức, chế độ hiện hành.

b) Trường hợp thuê tài sản chi trả bằng nguồn kinh phí ngoài định mức chi thường xuyên (ngoài kinh phí giao tự chủ) của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của ngân sách cấp nào thì do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp đó quyết định.

c) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3) và đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4) quyết định thuê tài sản (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) quyết định thuê tài sản để phục vụ hoạt động của đơn vị sau khi có ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp về sự phù hợp tiêu chuẩn, định mức và nguồn vốn để thuê.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị (không bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên)

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định khai thác tài sản công do đơn vị mình và các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc được giao quản lý, sử dụng.

2. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định khai thác tài sản đối với tài sản công giao các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc; đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý đối với: Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (gồm đất, nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất); xe ô tô, phương tiện vận tải khác; tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị

cấp tỉnh và tương đương (bao gồm các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc).

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương quyết định thu hồi đối với tài sản công của đơn vị mình và của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc (trừ tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc; đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản công quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này).

Điều 7. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (gồm đất, nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất); xe ô tô, phương tiện vận tải khác; máy móc, thiết bị, các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp tỉnh quản lý.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công (trừ tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này) giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (bao gồm cả đơn vị trực thuộc các cơ quan cấp tỉnh), giữa cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc; đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản công quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này).

Điều 8. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công trong trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 43 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (gồm đất, nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất); xe ô tô, phương tiện vận tải khác; máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương quyết định bán tài sản của đơn vị mình (trừ tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc; đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện và của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản công quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này).

Điều 9. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (gồm đất, nhà làm việc, công trình sự nghiệp và



tài sản khác gắn liền với đất; trừ trường hợp phải phá dỡ để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt); tài sản là xe ô tô, phương tiện vận tải khác; tài sản là máy móc, trang thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản là nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản và các tài sản công là tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định mua sắm đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Thủ trưởng đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản là tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định mua sắm.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định

1. Đối với tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải tiêu hủy: Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định mua sắm thì cơ quan, người có thẩm quyền đó quyết định tiêu hủy.

2. Đối với tài sản bị tịch thu phải tiêu hủy theo quy định của pháp luật: Thực hiện theo các văn bản pháp luật chuyên ngành và các văn bản quy định có liên quan.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản là nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất, xe ô tô, phương tiện vận tải khác và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của đơn vị mình và cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc (trừ tài sản được quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này).

Điều 12. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc địa phương quản lý

Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định thành lập Ban quản lý dự án quyết định phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của mình; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.



Điều 13. Thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc trong trường hợp không thực hiện thanh lý tài sản gắn liền với đất

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc trong trường hợp không thực hiện thanh lý tài sản gắn liền với đất./.